

JMRC九州ジムカーナ チャンピオンシリーズ 成績表

順位	所属クラブ	SR-1	SR-2	SR-3	SR-4	SR-5	SR-6	SR-7	SR-8	SR-9	獲得合計
B4+ クラス	3台以上3戦以上成立	2/22 CRMC	3/22 T-XT	4/19 RTCR	5/10 RC熊本	6/7 RC-大分	6/28 T-OM	7/26 V	8/30 TOBIUME	9/27 RASCAL	
	(出走台数)	0台	0台								
		不	不								
		成	成								
		立	立								

JAF九州ジムカーナ選手権 成績表

順位	所属クラブ	SR-1	SR-2	SR-3	SR-4	SR-5	SR-6	SR-7	SR-8	SR-9	獲得合計
PN1 クラス	3台以上3戦以上成立	2/22 CRMC	3/22 T-XT	4/19 RTCR	5/10 RC熊本	6/7 RC-大分	6/28 T-OM	7/26 V	8/30 TOBIUME	9/27 RASCAL	
	(出走台数)	8台	8台								
1	林 紘平	RASCAL	20	20							40
2	JYUICHI	KPLR	15	15							30
3	大崎 誠	KPLR	12	12							24
4	廣瀬 健	KPLR	10	10							20
5	塩川 晋平	KPLR	8	8							16
6	牧 達也	KPLR	6	4							10
6	坂本 高城	RTCR	4	6							10
8	栗原 翔	RASCAL	3	3							6

JMRC九州ジムカーナ チャンピオンシリーズ 成績表

順位	所属クラブ	SR-1	SR-2	SR-3	SR-4	SR-5	SR-6	SR-7	SR-8	SR-9	獲得合計
PN1 クラス	3台以上3戦以上成立	2/22 CRMC	3/22 T-XT	4/19 RTCR	5/10 RC熊本	6/7 RC-大分	6/28 T-OM	7/26 V	8/30 TOBIUME	9/27 RASCAL	
	(出走台数)	8台	8台								
1	林 紘平	RASCAL	20	20							40
2	JYUICHI	KPLR	15	15							30
3	大崎 誠	KPLR	12	12							24
4	廣瀬 健	KPLR	10	10							20
5	塩川 晋平	KPLR	8	8							16
6	牧 達也	KPLR	6	4							10
6	坂本 高城	RTCR	4	6							10
8	栗原 翔	RASCAL	3	3							6

JAF九州ジムカーナ選手権 成績表

順位	所属クラブ	SR-1	SR-2	SR-3	SR-4	SR-5	SR-6	SR-7	SR-8	SR-9	獲得合計
PN2 クラス	3台以上3戦以上成立	2/22 CRMC	3/22 T-XT	4/19 RTCR	5/10 RC熊本	6/7 RC-大分	6/28 T-OM	7/26 V	8/30 TOBIUME	9/27 RASCAL	
	(出走台数)	5台	6台								
1	立川 博史	RTCR	20	20							40
2	林 竜輔	TOBIUME	10	15							25
3	福市 宏貴	RTCR	12	10							22
4	北方 稔陽兒	GRP	15	-							15
5	清水 和彦	C&C	8	6							14
6	山形 航	RAPS	-	12							12
7	田添 健吾	RTCR	-	8							8

JMRC九州ジムカーナ チャンピオンシリーズ 成績表

順位	所属クラブ	SR-1	SR-2	SR-3	SR-4	SR-5	SR-6	SR-7	SR-8	SR-9	獲得合計
PN2 クラス	3台以上3戦以上成立	2/22 CRMC	3/22 T-XT	4/19 RTCR	5/10 RC熊本	6/7 RC-大分	6/28 T-OM	7/26 V	8/30 TOBIUME	9/27 RASCAL	
	(出走台数)	5台	6台								
1	立川 博史	RTCR	20	20							40
2	林 竜輔	TOBIUME	10	15							25
3	福市 宏貴	RTCR	12	10							22
4	北方 稔陽兒	GRP	15	-							15
5	清水 和彦	C&C	8	6							14
6	山形 航	RAPS	-	12							12
7	田添 健吾	RTCR	-	8							8

有效点数

有效点数

有效点数

有效点数

有效点数

有效点数

有效点数

有效点数